TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2023/QĐST-HNGĐ	*Hạ Long, ngày 11 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 điều 6 và khoản 3 điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/Anh Lê Hồng Đ, sinh năm 1975

2/Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: thôn V, xã T (nay là khu dân cư V), phường P, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Cùng tạm trú: tổ 66, khu 6, phường H, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/3/2005, nên hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị L và anh Đ chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải cho mâu thuẫn của anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị L và anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã hết và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc chị L và anh

Đ thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng Đ có 03 con chung là: Lê Hồng S; sinh ngày 13/4/2006; Lê Hà V, sinh ngày 17/10/2007 và Lê Hồng P, sinh ngày 08/5/2015. Nay ly hôn anh chị thoả thuận: chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hà V, anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hồng S và Lê Hồng P đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Đ, chị L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, việc thoả thuận nêu trên của chị L và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng Đ có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị xác nhận không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nêu trên giữa chị L và anh Đ là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng Đ thỏa thuận chị L có nghĩa vụ nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 03/01/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng Đ có 03 con chung là: Lê Hồng S; sinh ngày 13/4/2006; Lê Hà V, sinh ngày 17/10/2007 và Lê Hồng P, sinh ngày 08/5/2015. Nay ly hôn, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hà V, anh Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hồng S và Lê Hồng P đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh chị có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Hồng Đ có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh chị không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 0001243 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị L đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP.Hạ Long;
- UBND xã T, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS việc dân sự, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Định